

K, ngày 04 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2026/UBTVQH14

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm 12, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Hà và ông Nguyễn Hữu Hòa; Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Dư và Cộng sự; địa chỉ: Số 150, đường L, phố V, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Công N, sinh năm 1941; địa chỉ: xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Vũ Xuân H3, sinh năm 1978; địa chỉ: 97/57/6D, đường 8, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ UBND huyện K; Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân T, Chủ tịch

+ UBND xã L; Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Anh T1, Chủ tịch

+ Bà L Thị Hồng H, sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

+ Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

+ Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1959; địa chỉ: xóm 12, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

+ Bà Bùi Thị B, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm N, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

+ Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1940; địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 33, phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

+ Ông Bùi Trọng L, sinh năm 1969; địa chỉ: số 12, ngõ 33, phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

+ Anh Bùi Nam T3, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 09, ngõ 804, phố B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội

+ Anh Bùi Đình H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 152, Đ, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Bùi Đình T4, sinh năm 1980; địa chỉ: Căn hộ 1702, tòa nhà A, số 15, ngõ 622, phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hàng thừa kế thứ nhất được chia tài sản của cụ Bùi Văn C và Phạm Thị C1:

Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng thừa kế di sản của cụ Bùi Văn C và Phạm Thị C1 gồm: ông Bùi Công N, bà Bùi Thị N1, bà Bùi Thị H1, bà Bùi Thị B, bà Bùi Thị M và hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Đình N3 là bà Vũ Thị T2 và 4 người con là anh Bùi Trọng L, anh Bùi Đình H2, anh Bùi Đình T4, anh Bùi Nam T3.

- Về tài sản được đưa ra phân chia:

Tài sản được đưa ra phân chia là tài sản có nguồn gốc do 2 cụ Bùi Văn C và Phạm Thị C1 để lại là quyền sử dụng đất tại thửa số 132 tờ bản đồ số 54 địa chỉ: xóm 12, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB702403 của UBND huyện K cấp ngày 26/01/2016 mang tên ông Bùi Công N và bà L Thị Hồng H có diện tích 864,8m².

- Phương thức phân chia tài sản:

Chia tài sản tại thửa số 132 tờ bản đồ số 54 bằng hiện vật cho các đương sự, cụ thể:

+ Giao cho bà Bùi Thị M, bà Bùi Thị H1, bà Bùi Thị B 1 phần diện tích đất ở phía Bắc thửa số 132, tờ bản đồ số 54 có vị trí phía Bắc giáp đất ông H4 có chiều phía Bắc dài 11,6m; chiều phía Nam giáp phần đất giao cho ông N chiều dài 14,18m; phía Đông giáp đất ông N3 chiều dài 18m, phía Tây giáp đường Nam Sông Ân chiều dài 18m. Tổng diện tích 224,4m² trong đó 60m² đất ở tại nông thôn và 164,4m² đất trồng cây hằng năm khác.

+ Giao cho ông Bùi Công N phần đất ở phía Nam thửa số 132 tờ bản đồ số 54 có chiều phía Bắc giáp đất giao cho bà M, bà H1, bà B, chiều phía Nam giáp

ngõ đi nhà ông N3 là đường gấp khúc có tổng chiều dài 17,4m; phía Đông giáp đất ông N3 chiều dài 38,1m, phía Tây giáp đường Nam Sông Ân là đường gấp khúc có tổng chiều dài 39,36m. Tổng diện tích 640,4m² trong đó có 140m² đất ở tại nông thôn, phần còn lại là đất trồng cây hằng năm khác và đất nuôi trồng thủy sản

(Có sơ đồ xác định vị trí đất giao cho các bên kèm theo Quyết định này)

+ Tài sản gắn liền với đất thuộc phần diện tích đất giao cho ai thì người đó có quyền sử dụng, định đoạt và không phải thanh toán bất kì chi phí nào.

+ Các bên không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho nhau

- Về chi phí tố tụng

+ Bị đơn ông Bùi Công N phải thanh toán cho nguyên đơn bà Bùi Thị M số tiền 10.000.000đ là tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan đăng ký để thực hiện việc đăng ký biến động đất đai và được T4 quyền thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật

4. Về án phí:

Bà Bùi Thị M, ông Bùi Công N, bà Bùi Thị H1, bà Bùi Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự; người đại diện;
- VKSND huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thế Anh